

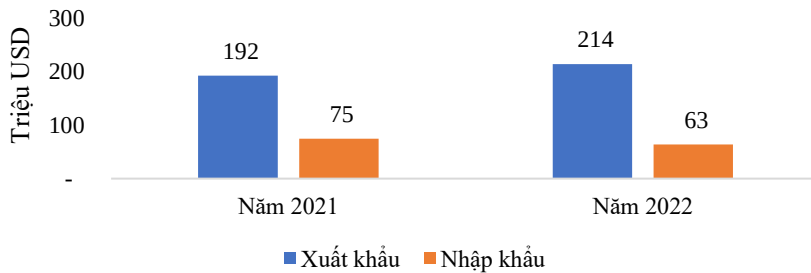
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

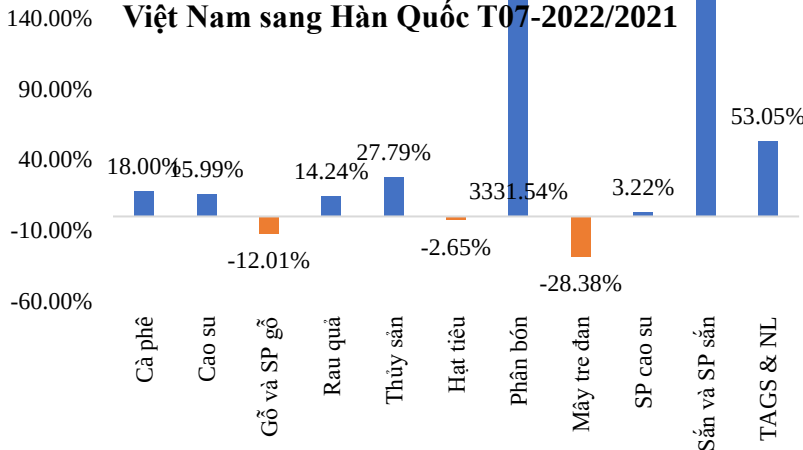
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T07-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T07-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 11,11 %
Nhập khẩu	▼ 14,90 %

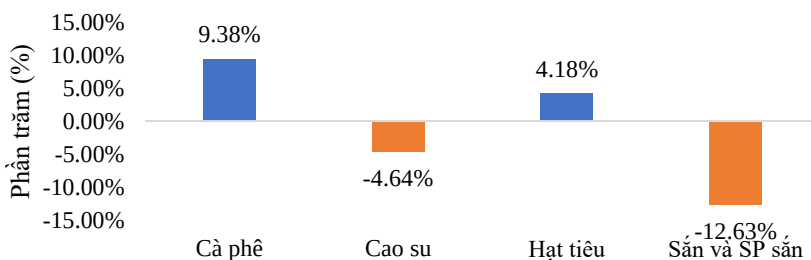
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T07-2022/2021**



So sánh T07-2022/2021

Cà phê	▲ 18,00%
Cao su	▲ 15,99%
Gỗ và SP gỗ	▼ 12,01%
Hàng rau quả	▲ 14,24%
Hàng thủy sản	▲ 27,79%
Hạt tiêu	▼ 2,65%
Phân bón	▲ 3331,54%
Mây tre đan	▼ 28,38%
SP từ cao su	▲ 3,22%
Sản và SP sản	▲ 792,41%
TAGS & NL	▲ 53,05%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T07-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T07-2022/2021**

Cà phê	▲ 9,38%
Cao su	▼ 4,64%
Hạt tiêu	▲ 4,18%
Sản và SP sản	▼ 12,63%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Số liệu của Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) công bố ngày 1/9 cho thấy nền kinh tế nước này tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn trong quý 2 năm 2022 nhờ chi tiêu tiêu dùng tăng, sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng. GDP của Hàn Quốc trong quý 2 tăng 0,7% so với quý 1. Tốc độ tăng trưởng theo quý nhanh hơn được cho là nhờ chi tiêu tiêu dùng tăng mạnh khi các hạn chế liên quan đến đại dịch COVID-19 được nới lỏng. Vào giữa tháng Tư, chính phủ Hàn Quốc đã dỡ bỏ hầu hết các hạn chế nhằm kiểm soát dịch, trừ quy định về đeo khẩu trang, và coi đây như một phần trong nỗ lực để đưa cuộc sống trở lại bình thường như trước đại dịch.

Chi tiêu tiêu dùng trong quý 2 năm 2022 tăng 2,9% nhờ chi tiêu cho thực phẩm, nhà ở và các hoạt động ngoài trời khác tăng. Trong khi đó, chi tiêu của chính phủ Hàn Quốc cũng tăng 0,7%. Đầu tư vào xây dựng tăng 0,2% và đầu tư cơ sở vật chất tăng 0,4% nhờ tăng chi tiêu cho máy móc.

So với các ước tính trước đó của BoK, tăng trưởng chi tiêu tiêu dùng đã được điều chỉnh giảm 1 điểm phần trăm, trong khi chi tiêu của chính phủ và đầu tư xây dựng giảm 0,4 điểm phần trăm. Trong khi đó, đầu tư cơ sở vật chất đã được điều chỉnh tăng 1,5 điểm phần trăm.

Ngược lại, xuất khẩu của Hàn Quốc ghi nhận mức giảm 3,1%, với xuất khẩu các sản phẩm hóa chất và kim loại bị sụt giảm. Nhập khẩu giảm 1% với các mặt hàng là dầu thô và khí đốt tự nhiên.

Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc có kế hoạch mua 450.000 tấn gạo thu hoạch trong năm nay để dự trữ. Theo kế hoạch, chính phủ sẽ mua 350.000 tấn gạo đóng gói, cùng với 100.000 tấn gạo chưa sấy vào cuối tháng 11, theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn.

Chính phủ sẽ mua gạo với giá thị trường trung bình ước tính từ ngày 5 tháng 10 đến ngày 25 tháng 12. Ban đầu chính phủ sẽ trả 30.000 won (22,2 đô la Mỹ) cho mỗi bao 40 kg và thu mua lượng còn lại vào cuối năm 2022. Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc cho biết sẽ sử dụng 1 nghìn tỷ won cho việc mua gạo dự trữ của đất nước trong năm nay.

Hàn Quốc đã phải vật lộn để đối phó với tình trạng dư thừa gạo và giá cả giảm do tiêu thụ liên tục giảm trong những thập kỷ gần đây do những thay đổi trong chế độ ăn uống và thói quen ăn uống.

Trong 7 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc nhập khẩu 1.497 tấn bạch tuộc đông lạnh, chiếm 0,21% tổng nhập khẩu thủy sản của nước này (724.699 tấn). So với cùng

kỳ năm 2021, Hàn Quốc nhập khẩu 1.019 tấn bạch tuộc đông lạnh, chiếm 0,17% trong tổng nhập khẩu thủy sản (583.312 tấn).

Riêng trong tháng 7 năm nay, nhập khẩu bạch tuộc đông lạnh của Hàn Quốc đạt 259 tấn, tăng 156% so với 101 tấn của cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 7 tháng đầu năm, nhập khẩu đạt 1.497 tấn, tăng 47% từ 1.019 tấn nhập khẩu trong cùng kỳ năm trước đó.

Khối lượng nhập khẩu trung bình trong 7 tháng đầu năm kể từ năm 2017 đến 2022 đạt 264 tấn, đạt cao nhất vào năm 2019 (2.754 tấn) và thấp nhất vào năm 2021 (1.019 tấn).

Các nguồn cung bạch tuộc đông lạnh chính gồm 12 nước: 1.042 tấn, chiếm 70% tổng nhập khẩu đến từ Mauritania, 112 tấn từ Philippines, 110 tấn từ Senegal và 84 tấn từ Indonesia. Giá đạt cao nhất là từ Philippines với 6,88 USD/kg, Senegal 8,06 USD/kg, và thấp nhất là từ Nam Phi với 5 USD/kg.

Giá trị nhập khẩu bạch tuộc đông lạnh của Hàn Quốc trong tháng 7/2022 đạt 1,94 triệu USD, tăng 73% từ 1,12 triệu USD của cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, giá trị nhập khẩu đạt 14,7 triệu USD, tăng 74% từ 8,45 triệu USD của cùng kỳ năm trước đó.

Giá nhập khẩu trung bình trong tháng 7 năm nay đạt 7,5 USD/kg, giảm 32,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

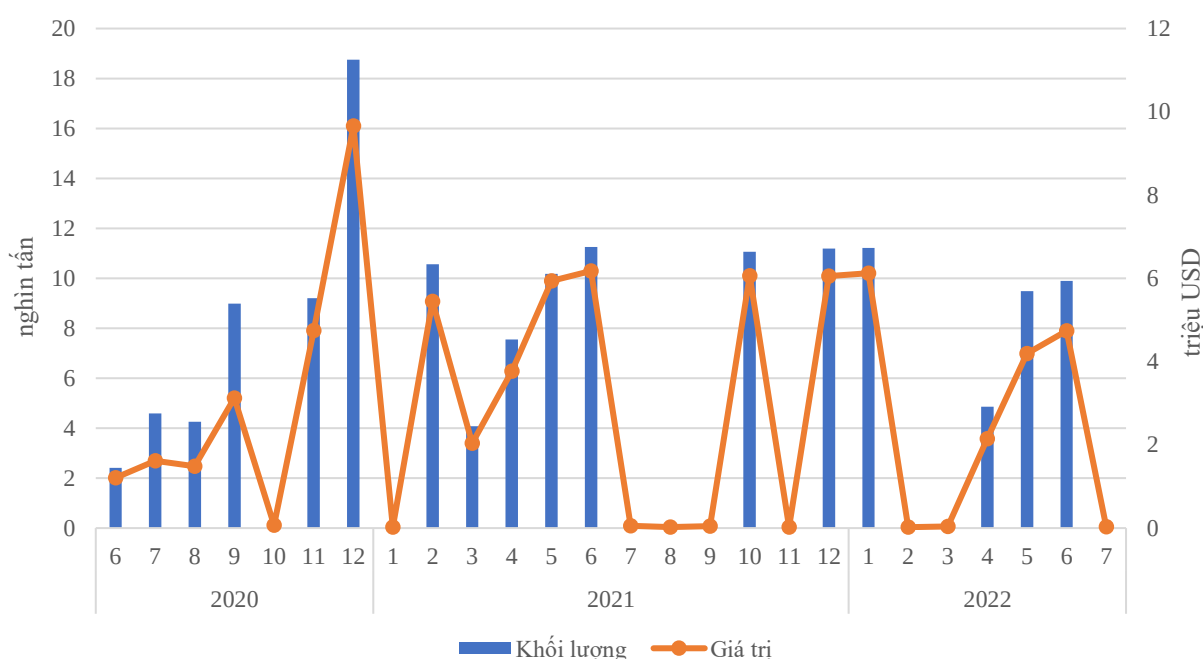
Tháng 07/2022, Việt Nam xuất khẩu 213,7 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 11,11% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 42,9%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 33,4%, rau quả chiếm 7,6%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, gỗ, hạt tiêu và mây tre đan là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

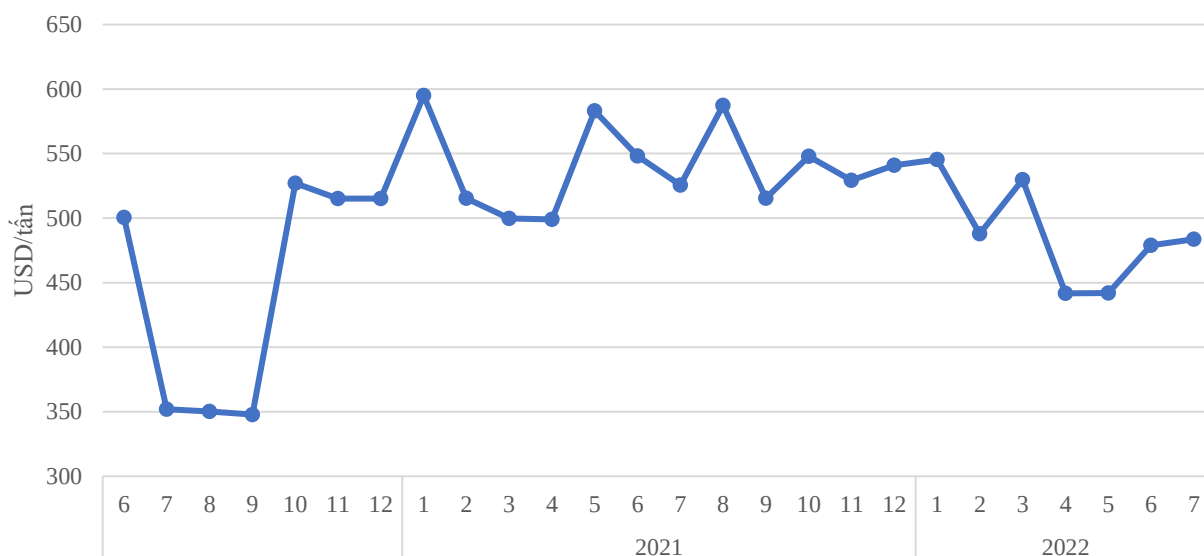
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu được 0,1 nghìn tấn gạo, trị giá 0,03 triệu USD sang Hàn Quốc, giảm 99,4% về khối lượng và 99,4% về giá trị so với tháng trước; và giảm 44,3% về khối lượng và 48,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 35,7 nghìn tấn, trị giá 17,3 triệu USD, giảm 18,6% về khối lượng và 26,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



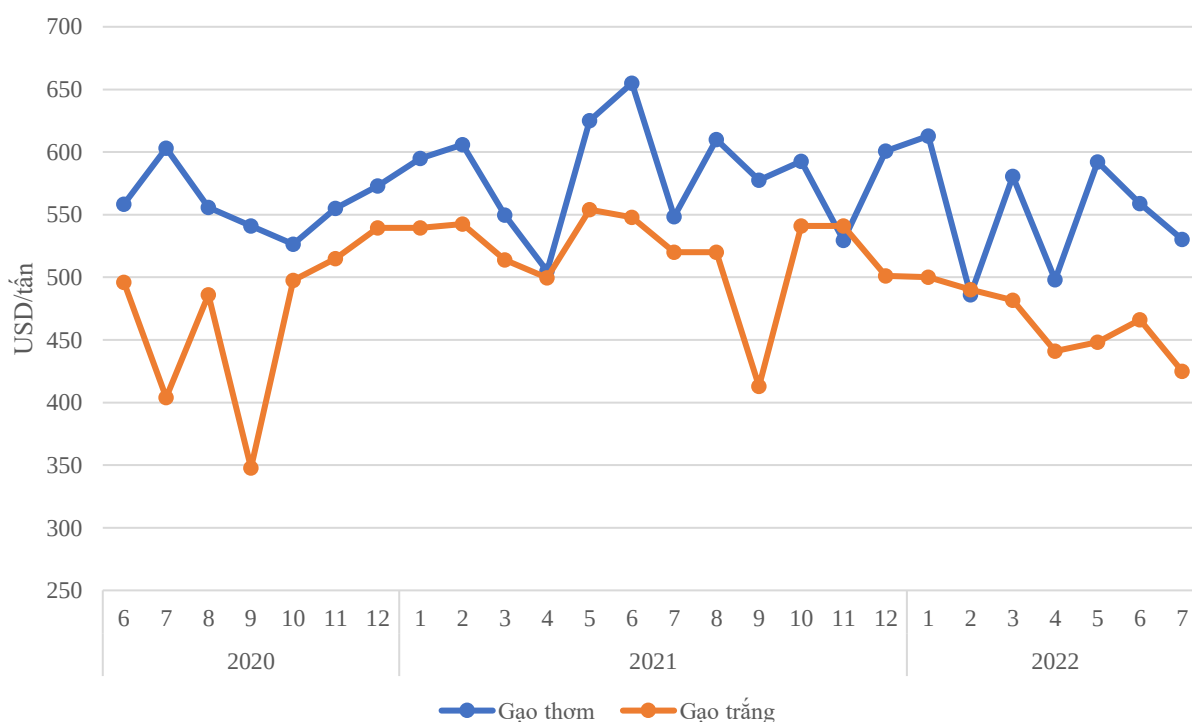
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022 đạt 483,5 USD/tấn, tăng 1,0% so với tháng trước, nhưng giảm 8,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 81,8% về khối lượng và 84,3% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 530,3 USD/tấn, giảm 5,1% so với tháng trước và 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

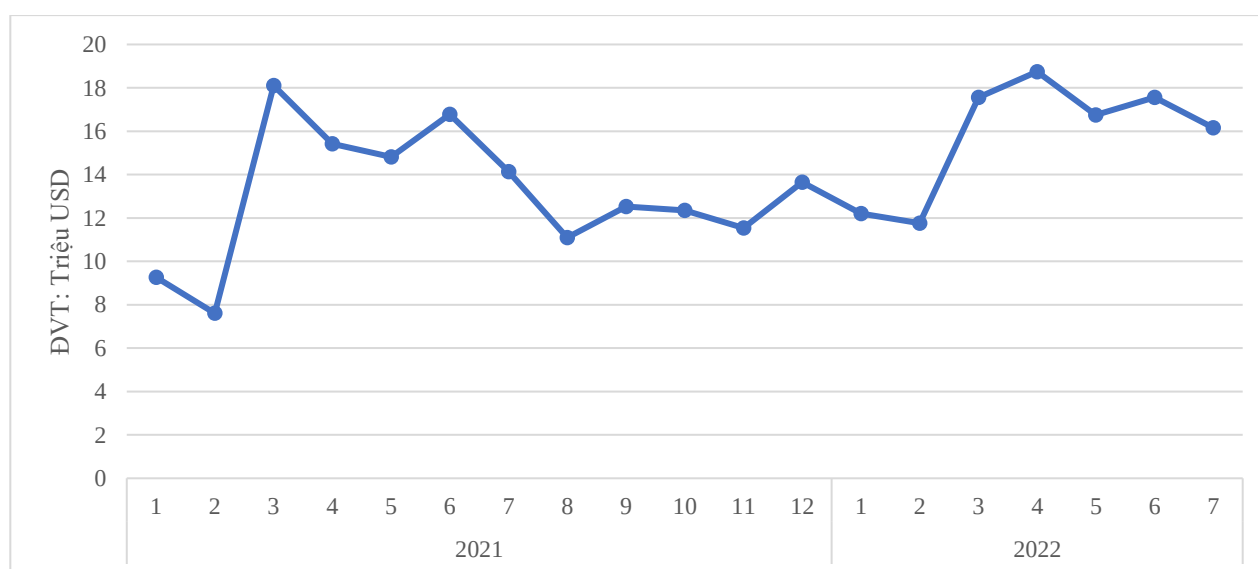
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Chính phủ Hàn Quốc đã giữ nguyên mức thuế 0% đối với bảy mặt hàng thực phẩm nhập khẩu chính, trong đó có hành tây để kiềm chế sự tăng giá. Với việc gia tăng nhập khẩu từ Trung Quốc để giảm bớt gánh nặng lạm phát của Hàn Quốc. Văn phòng Bắc Kinh của Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc (KITA) kỳ vọng chính sách mới sẽ làm tăng nhập khẩu hành tây từ Trung Quốc, vốn là nhà cung cấp hành tươi và đông lạnh chính cho Hàn Quốc.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 7 năm 2022 đạt 16,2 triệu USD, chiếm 6,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 8,0% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 110,7 triệu USD (chiếm 5,7% thị phần), tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

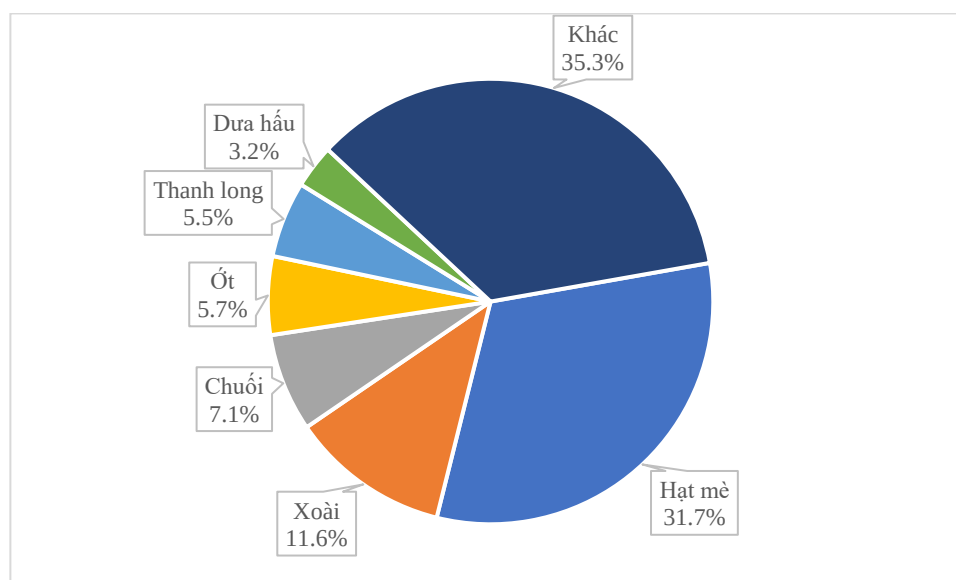


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 7 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,8 triệu USD (chiếm 42,0% thị phần, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 9,4 triệu USD (chiếm 58,0% thị phần), tăng 25,7%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 7,1 triệu USD, tăng 137,1% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,2 triệu USD (tăng 105,4%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 764,4 nghìn USD (tăng 152,1%); v.v.

Trong tháng 7 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 5,1 triệu USD (chiếm 31,7% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 42,7% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,9 triệu USD (chiếm 11,6%), tăng 15,6%; chuối đạt 1,2 triệu USD (chiếm 7,1%), tăng 143,6%; ớt đạt 920,9 nghìn USD (chiếm 5,7%), giảm 49,8%; thanh long đạt 892 nghìn USD (chiếm 5,5%), tăng 44,6%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022

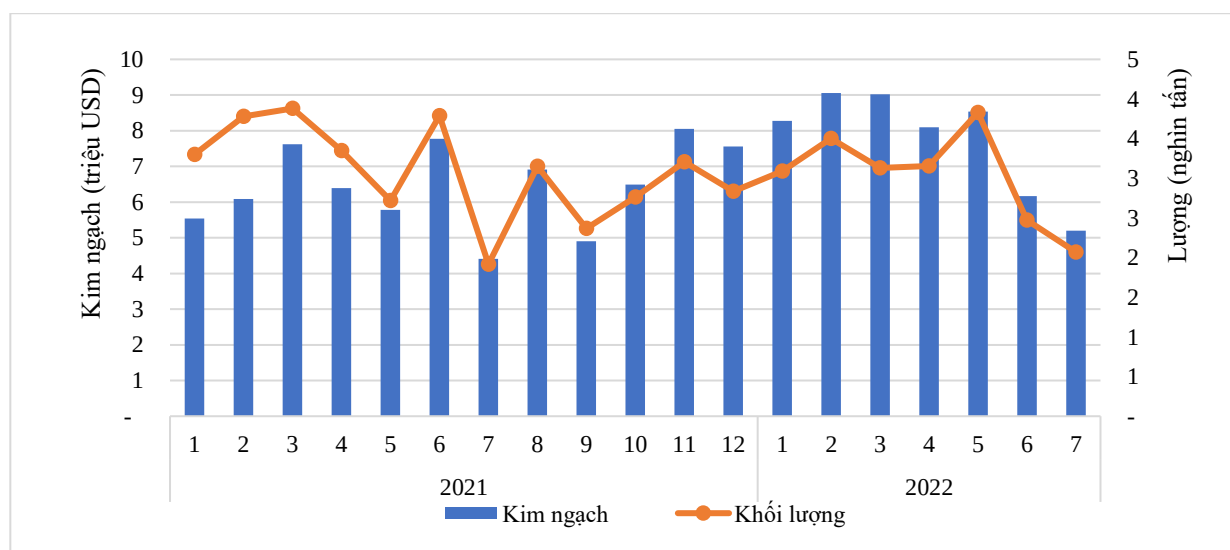


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 7 năm 2022 đạt 3,8 triệu USD, chiếm 2,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 43,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 32,2 triệu USD, chiếm 3,0% thị phần, tăng 50,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 7/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 2,1 triệu USD (chiếm 53,5%), tăng 39,3% so với cùng kỳ năm 2021; nho đạt 958,6 nghìn USD (chiếm 25,0%), tăng 124,9%; v.v.

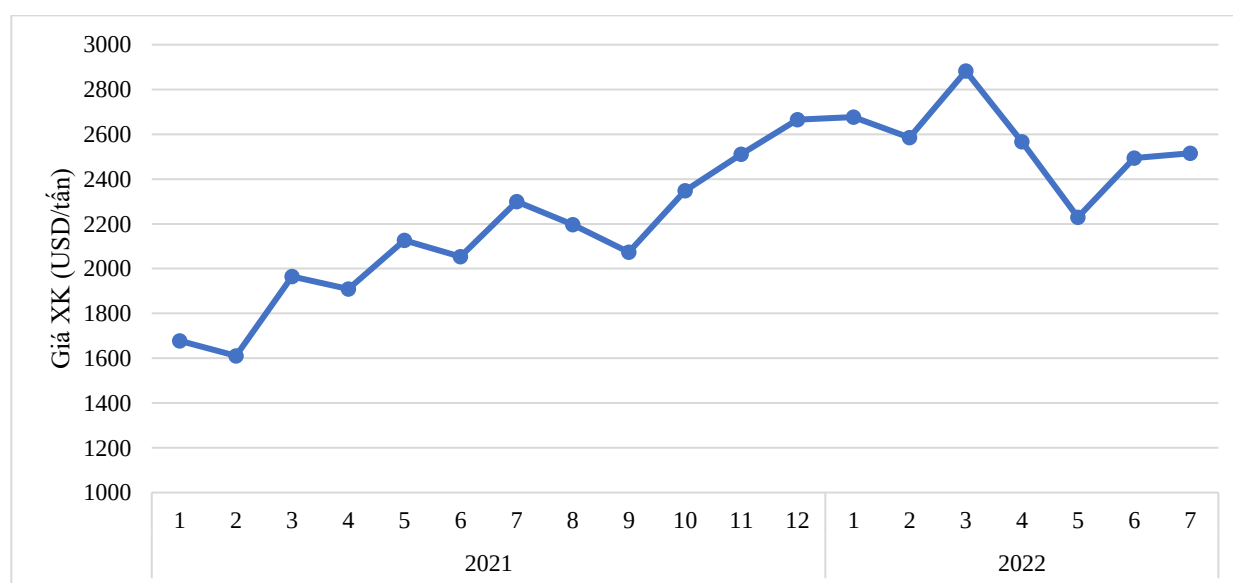
3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 07/2022 ước đạt 2,1 nghìn tấn với trị giá 5,2 triệu USD, giảm 16,4% về lượng và 15,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 7,9% về lượng và 18,0% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

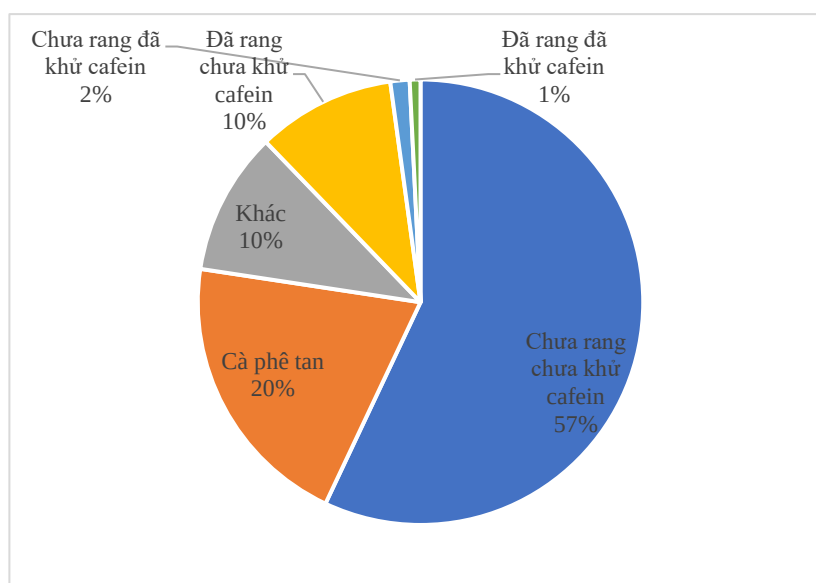
Tháng 07/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.515 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 07/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,0 triệu USD, chiếm 57,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 20,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 10,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 7/2022

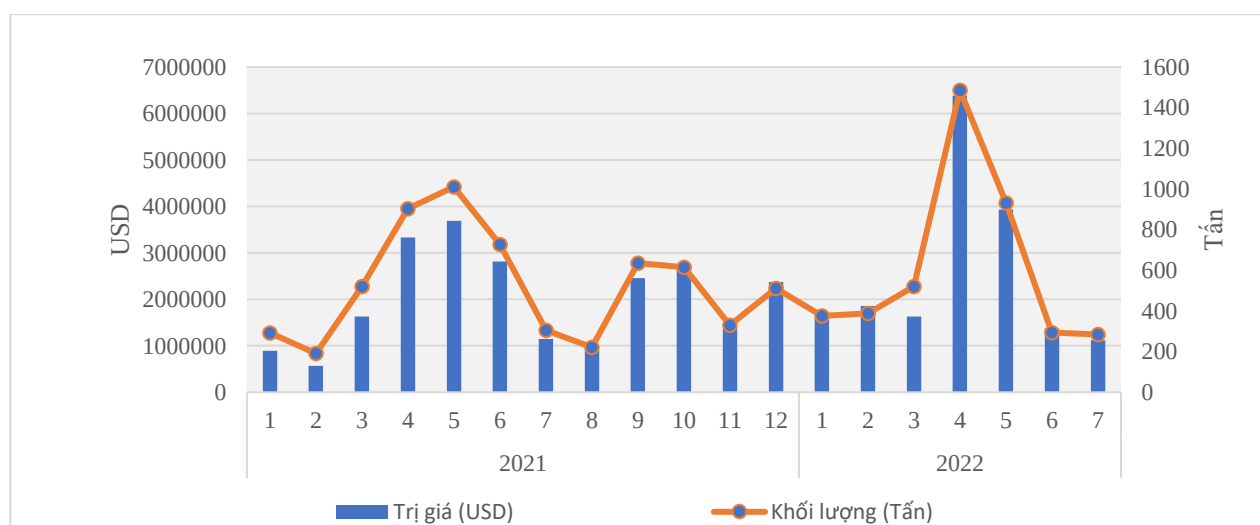


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 7/2022 giảm nhẹ so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 285 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,12 triệu USD, giảm 3,06% về khối lượng và 18,55% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu sang Hàn Quốc giảm 6,56% về khối lượng và giảm 2,65% về giá trị.

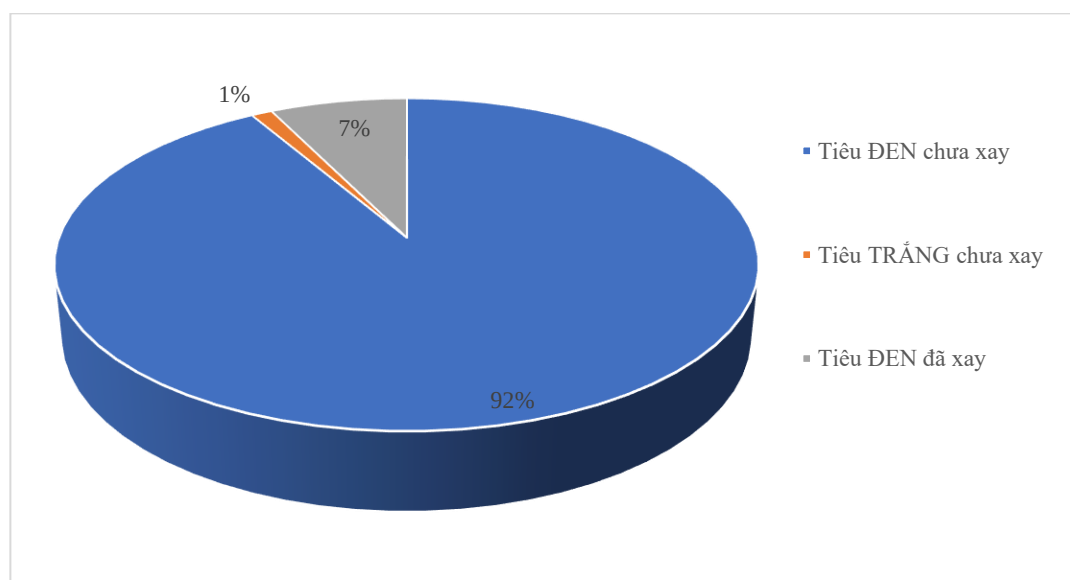
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 7/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 92% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 8,69% so với tháng trước và 37,45% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 7%, giảm 86,77% so với tháng trước và 61,23% so với cùng kỳ năm 2021.

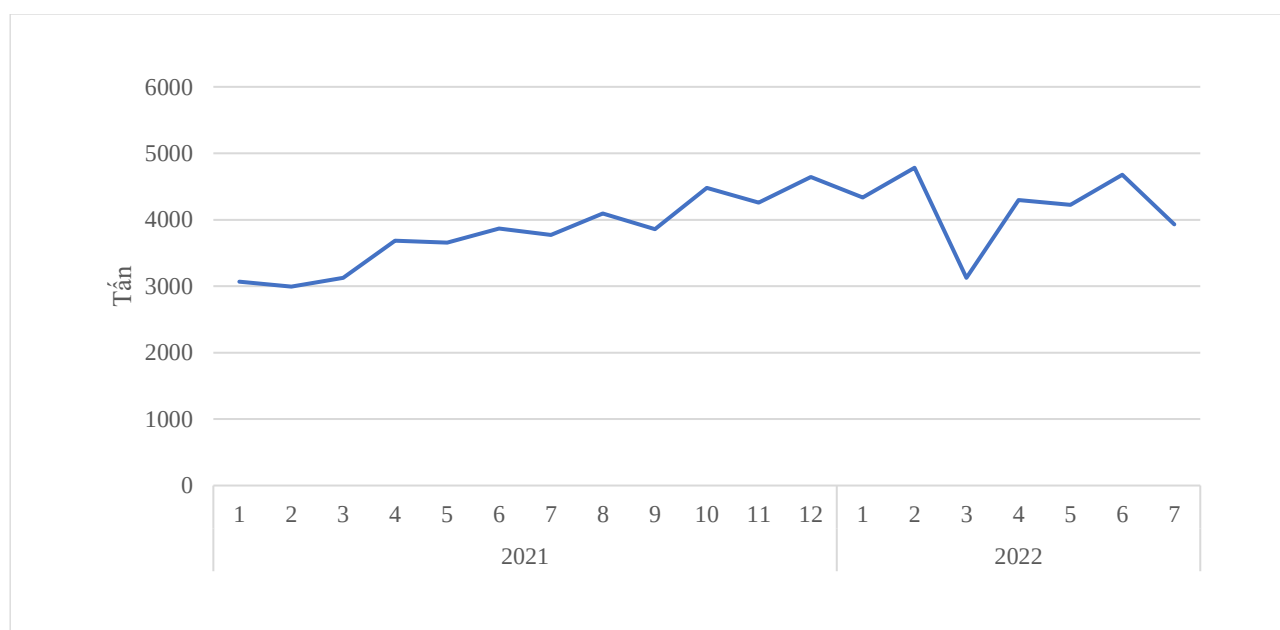
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 7/2022 đã tăng trở lại, đạt 3.930 USD/tấn, giảm 16% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

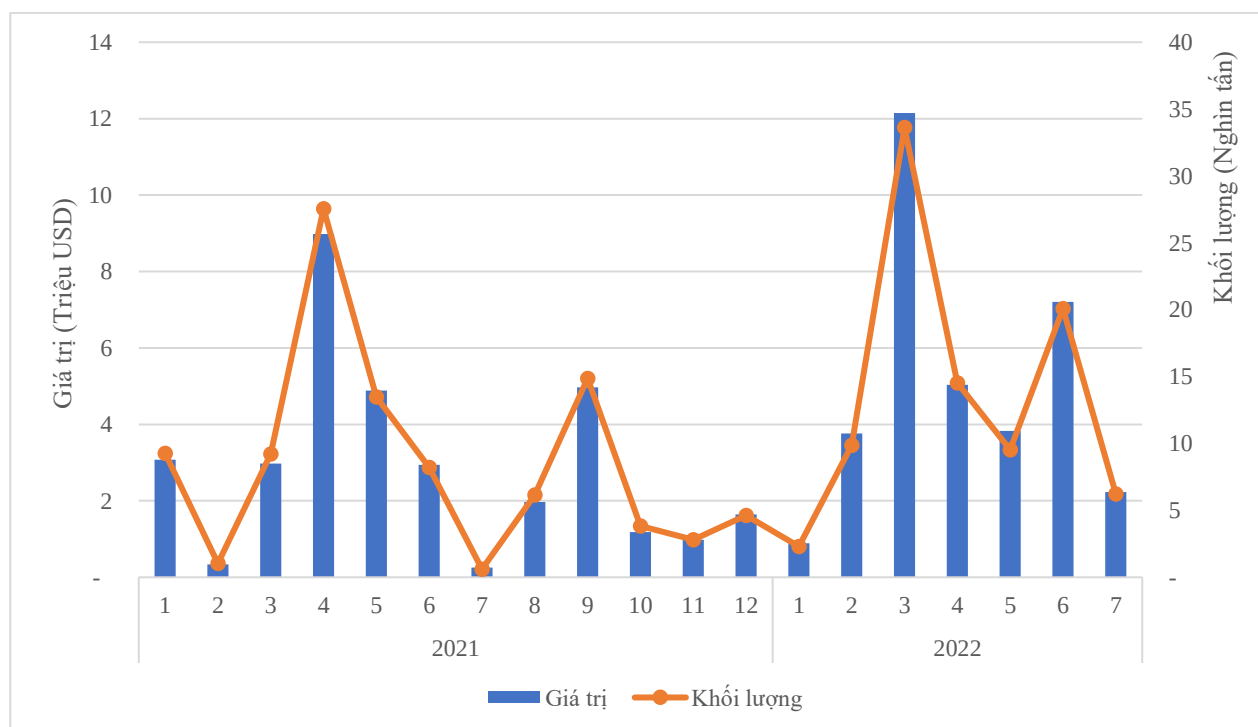


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

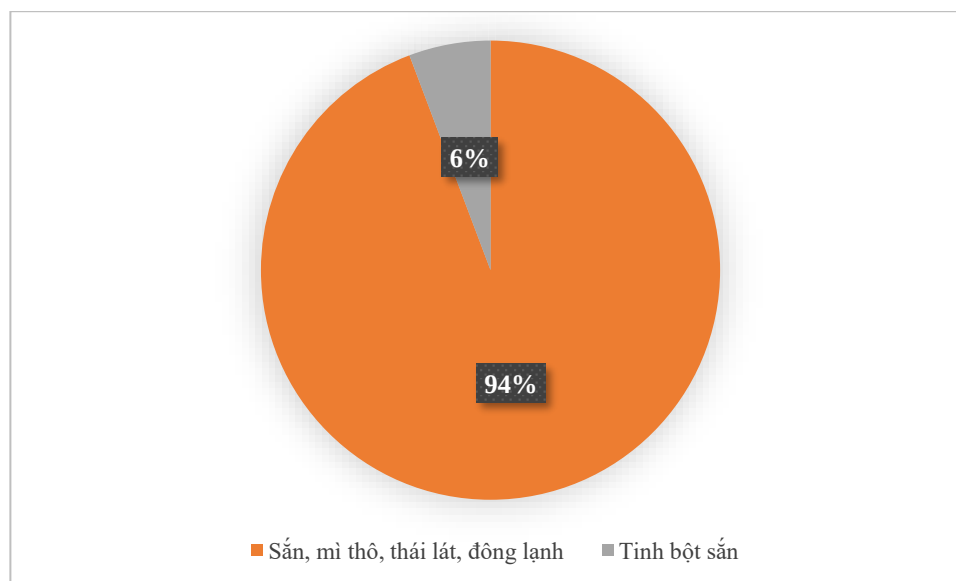
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2022, Việt Nam xuất khẩu được 6.321 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 2,2 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 69% về khối lượng và 695% về giá trị so với tháng 6/2022; tăng gấp 10 lần về khối lượng và gấp 9 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 98.320 tấn, trị giá đạt xấp xỉ 34,7 triệu USD, tăng 47,9% về khối lượng và tăng 47,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 3,2% về khối lượng và 2,5% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 7 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 2,1 triệu USD (chiếm 94% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng gấp 24,8 với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sản đạt 128,3 nghìn USD (chiếm 6%) giảm 16% so với cùng kỳ năm trước.

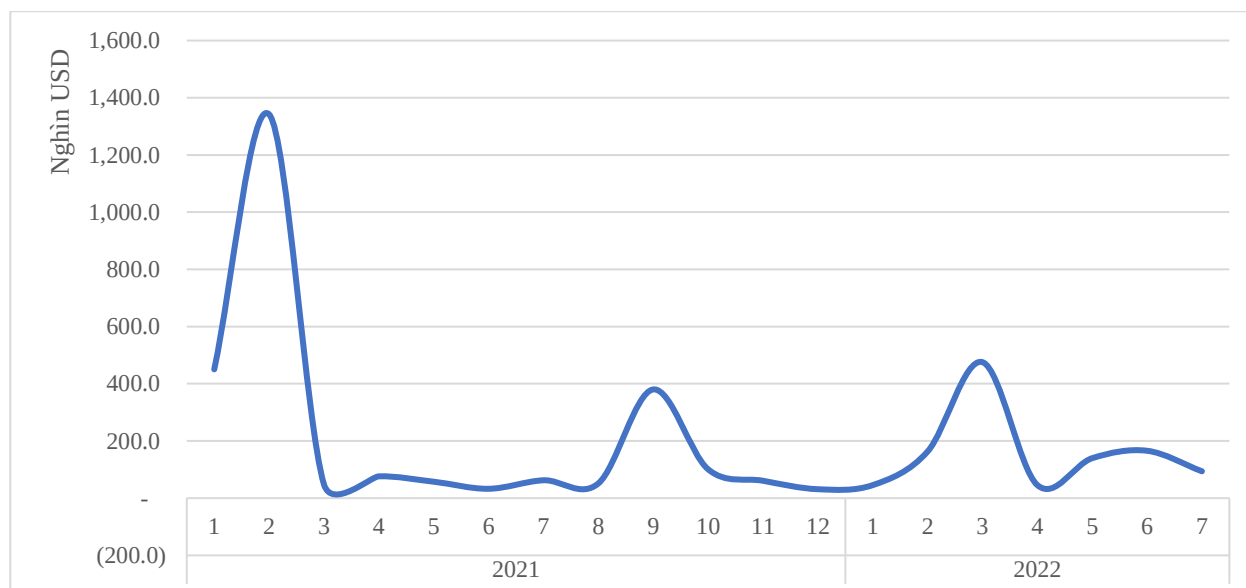
Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Cục Thông tin Thương mại Nông nghiệp Hàn Quốc (KATI) cho biết quốc gia châu Á này đã nhập khẩu khoảng 948,3 triệu USD giá trị thịt heo trong 5 tháng đầu năm. Con số này tăng mạnh so với mức 692,1 triệu USD của năm ngoái và là giá trị nhập khẩu cao nhất mọi thời đại. Đối với thịt heo móc hàm, Hàn Quốc duy trì là quốc gia có mức giá cao nhất, với giá đạt gần 99.700 đồng/kg

Trong tháng 7/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 94,1 nghìn USD, tăng 50,1% so với tháng 7/2021 và giảm 43,3% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 7/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 8,2 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 57,4% so với tháng trước, và 256,7% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm chiếm 94% đạt 7,7 triệu USD tăng 253,8% so với tháng 7/2021 và tăng 48% so với tháng trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

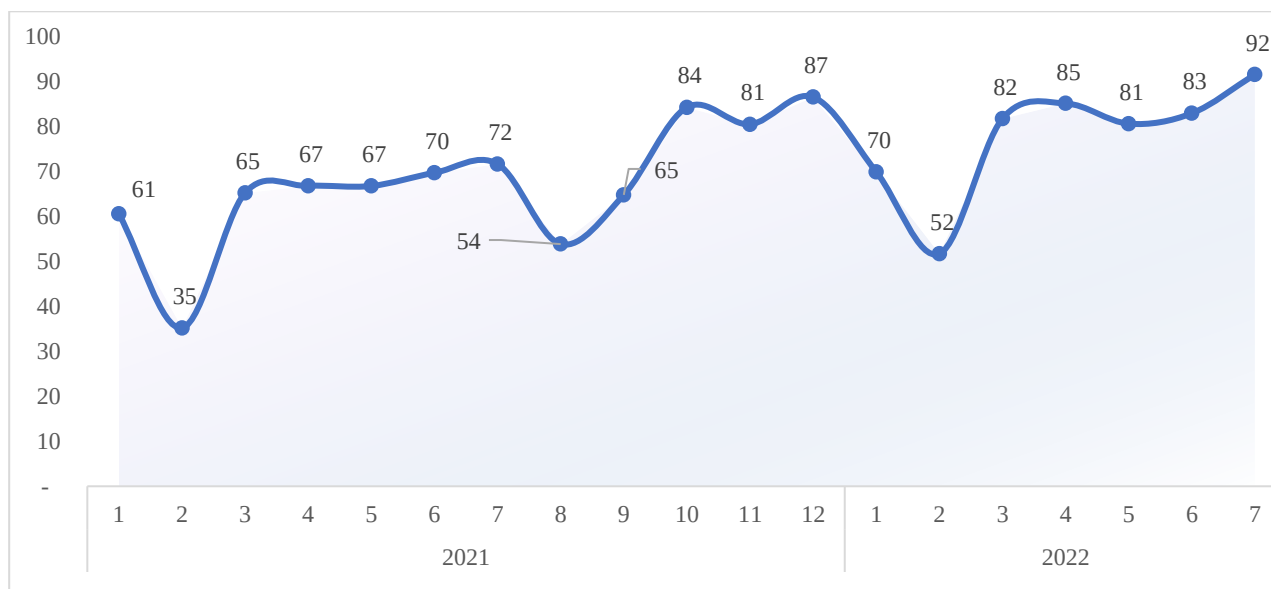
7. THỦY SẢN

Theo số liệu thống kê của ITC, trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu tôm các loại của Hàn Quốc đạt 384,2 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 5 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc tăng nhập khẩu tôm các loại từ hầu hết các thị trường cung cấp chính, trừ nhập khẩu từ Thái Lan, Ê-cu-a-đo và Ấn Độ giảm.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 83 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 7 tháng đầu năm đạt 544,1 triệu USD, chiếm 8,1% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 24,7% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc.

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 47,2%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 31%.

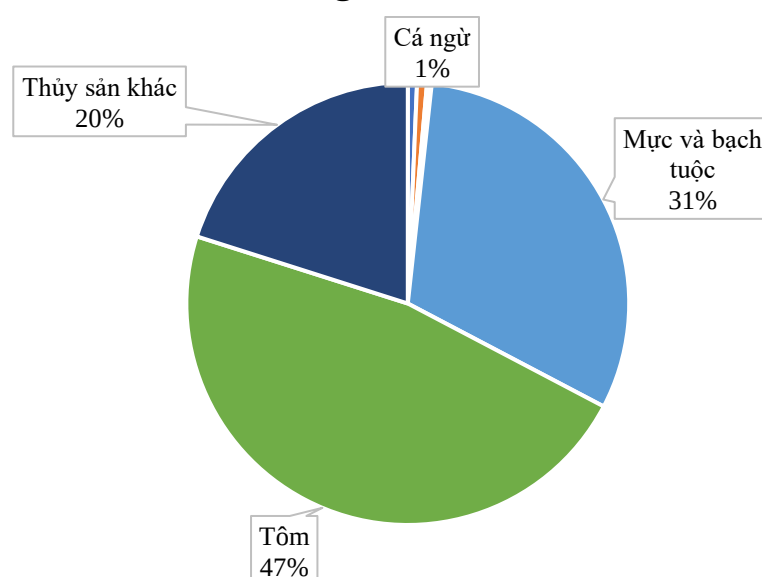
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,4% so với tháng 6/2022

Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022

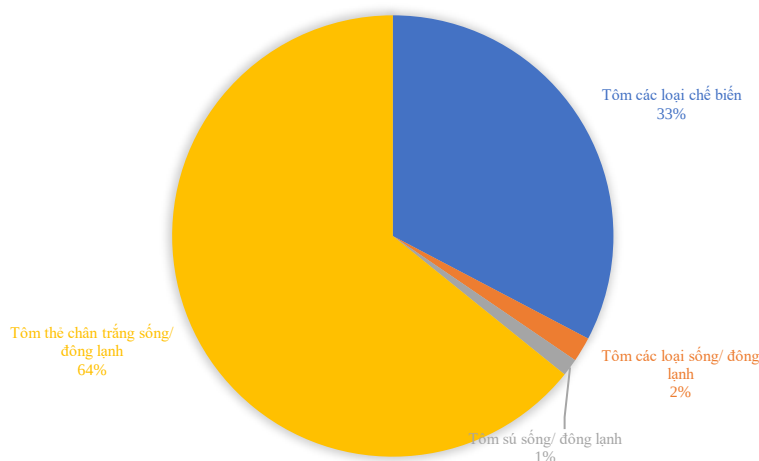


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 7/2022 đạt 43,3 triệu USD, chiếm 47,2% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông

lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 64,2%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 32,7% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022

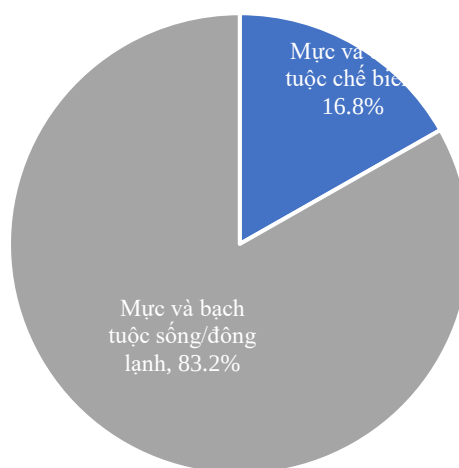


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 27,8 triệu USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 14,1 triệu USD, tăng 19,5%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,8 triệu USD, tăng 44%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,6 triệu USD, tăng 59,2%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 7 năm 2022 đạt 28,4 triệu USD, tăng 37,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 23,6 triệu USD, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 4,8 triệu USD, tăng 60,3%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 7/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 7/2022: Cua – ghẹ đạt 0,2 triệu USD, tăng 233,8%; cá da trơn đạt 0,6 triệu USD, tăng 306,7% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 0,7 triệu USD tăng 970%; thủy sản khác đạt 18,4 triệu USD, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,8 USD/kg, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 11,7 USD/kg, tăng 29,6%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022

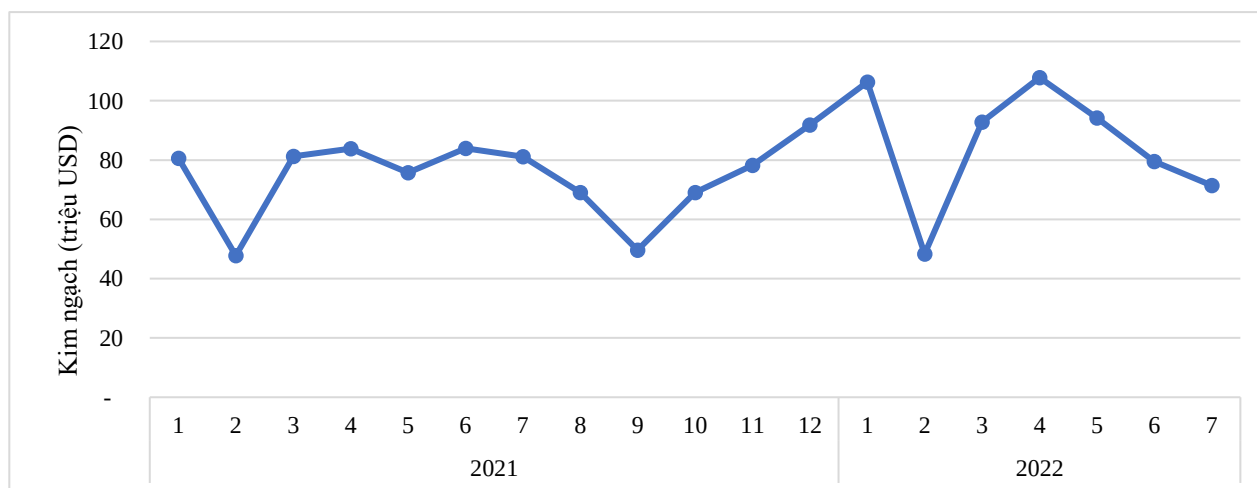
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,7	53,8%	1,3%
2	Cá rô phi	4,0	40,2%	42,5%
3	Cua, ghẹ	6,5	43,2%	11,0%
4	Mực và bạch tuộc	11,7	29,6%	-1,1%
5	Tôm	8,8	5,0%	-3,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 07/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 71,4 triệu USD, giảm 10,3% so với tháng trước và giảm 12,0% so với cùng kỳ năm 2021.

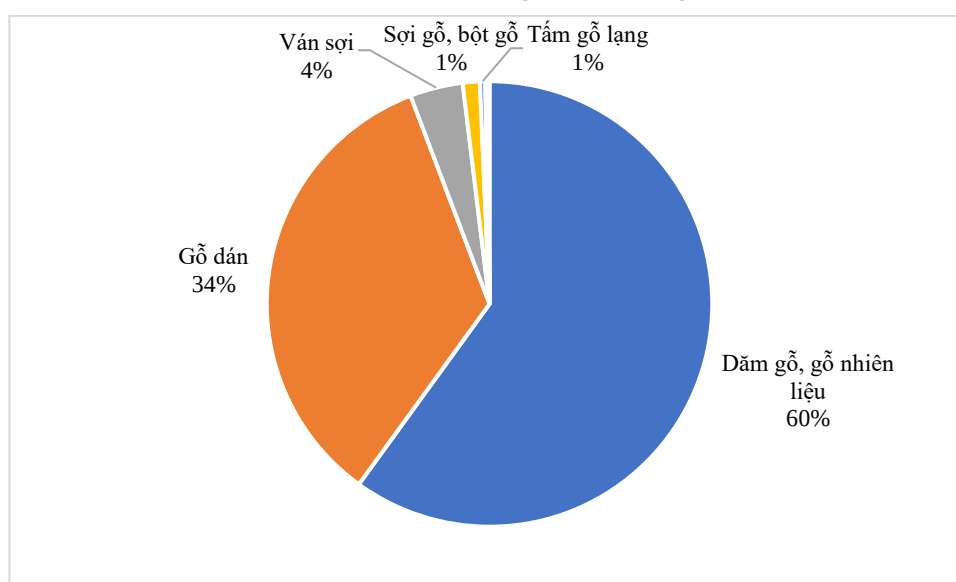
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 07/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 31,5 triệu USD, chiếm 60,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 18,0 triệu USD, chiếm 34,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,8% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

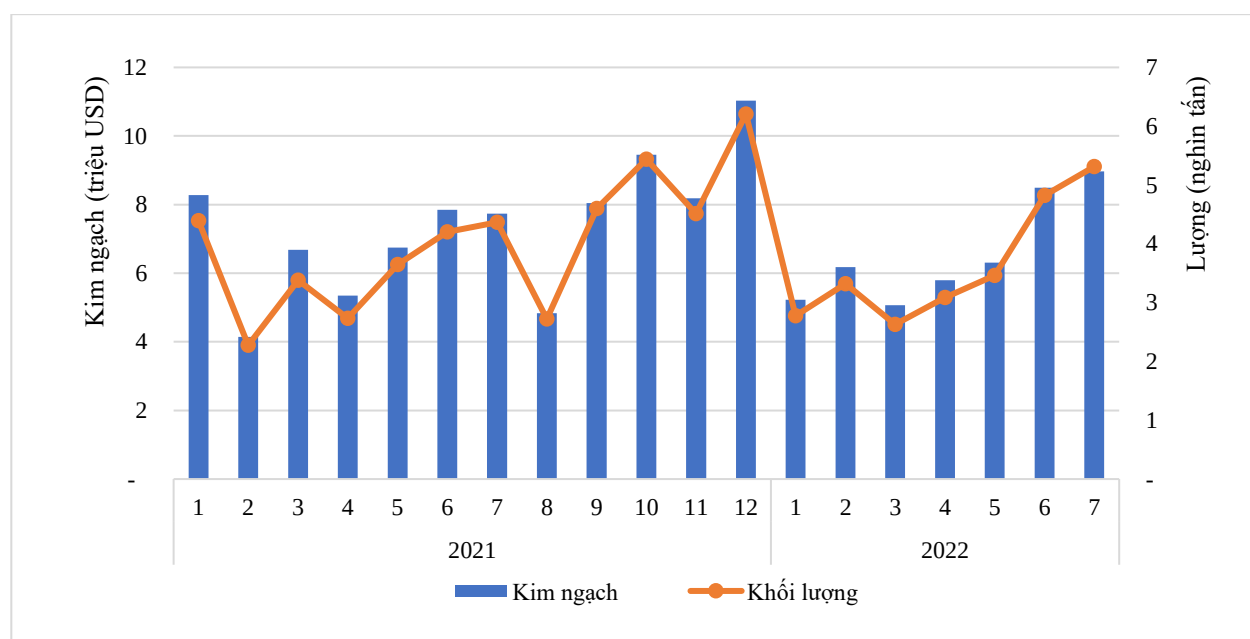
Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 7/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

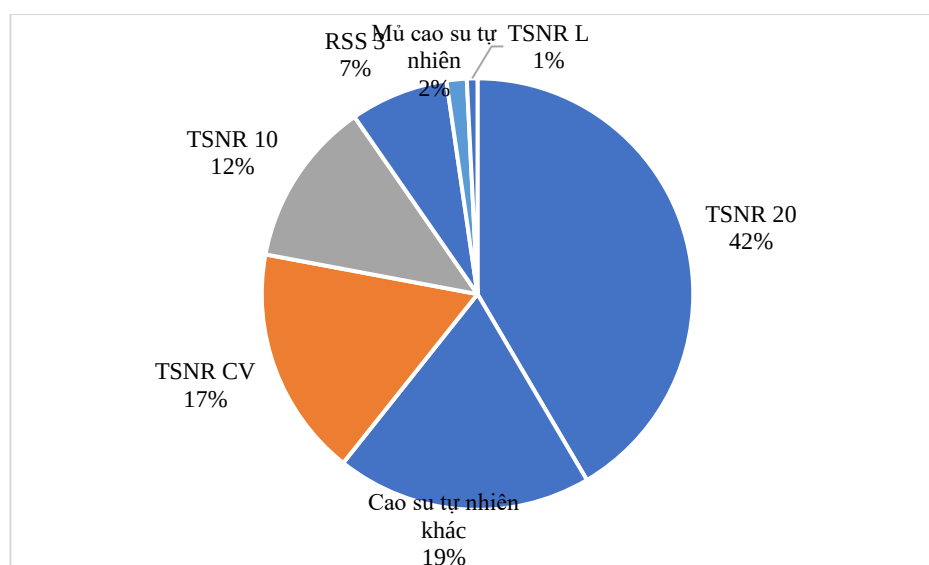
9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 07/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 5,3 nghìn tấn với trị giá 8,97 triệu USD, tăng 10,1% về khối lượng và 5,6% về giá trị so với tháng trước; tăng 21,6% về khối lượng và 16% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

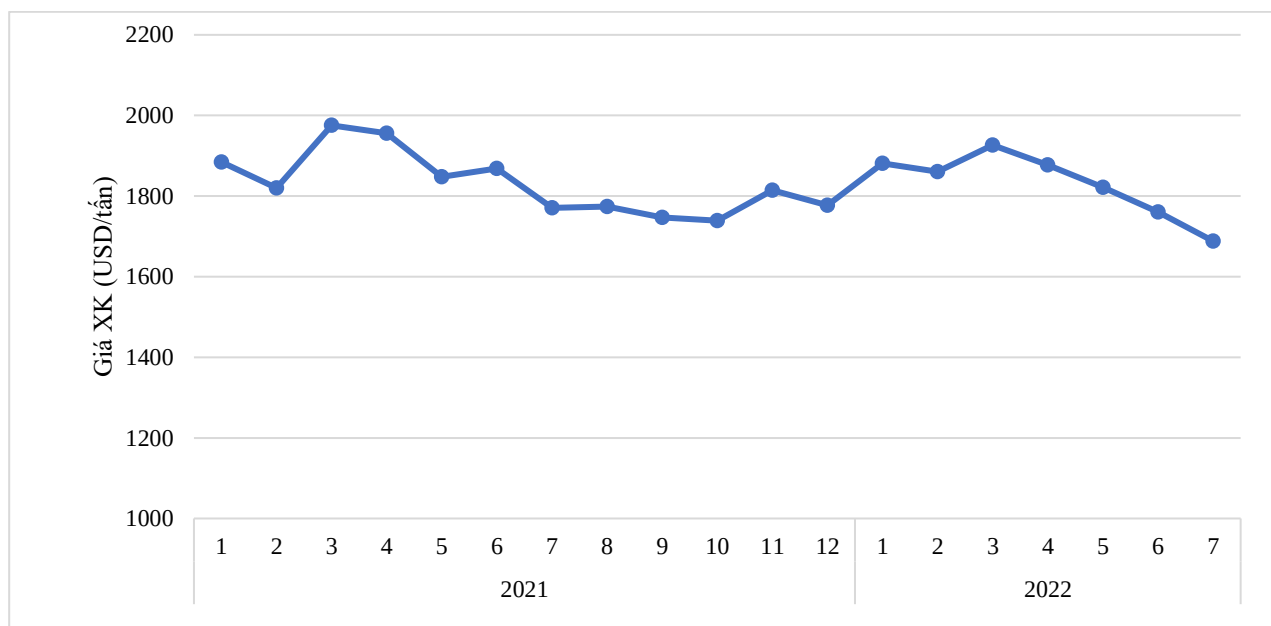
Trong tháng 07/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,7 triệu USD, chiếm 41,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,5 triệu USD, chiếm 17,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và RSS 3 có giá trị xuất khẩu lần lượt là 1,1 triệu USD và 659 nghìn USD, chiếm 7,3% và 1,5% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là mủ cao su tự nhiên và TSNR L chiếm lần lượt 1,5% và 0,8,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 7/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.688 USD/tấn trong tháng 07/2022, giảm 4,1% so với tháng trước, và giảm 4,6 % so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Tính đến tháng 8/2022, chính phủ Hàn Quốc đã thu mua gạo dự trữ 3 lần trong năm nay, cụ thể vào tháng 2, tháng 5 và tháng 7, với tổng lượng thu mua là 370 nghìn tấn. Tuy nhiên, giá gạo trên thị trường nội địa nước này vẫn có xu hướng giảm. Điều này khiến chính phủ Hàn Quốc bị chỉ trích là đã thực hiện các biện pháp can thiệp trên quá muộn và không hợp lý. Bên cạnh đó, Liên đoàn Nông dân trồng lúa Hàn Quốc đề xuất nên giảm mức hạn ngạch nhập khẩu gạo mỗi năm, trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ nội địa nước này đang ngày càng giảm.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong giai đoạn năm 2017-2021, Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trên thế giới đạt bình quân 1,2 tỷ USD/năm, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 17,5% tổng trị giá nhập khẩu, như vậy vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam khai thác trong thời gian tới.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc, mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng rất cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 16,55 triệu USD, tăng 130,9% so với cùng kỳ năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 07/2022

STT	Sản phẩm	T07/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T07/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	5.200.987	18,00%	2,43%
2	Cao su	8.970.199	15,99%	4,20%
3	Gỗ và SP gỗ	71.386.801	-12,01%	33,41%
4	Hàng rau quả	16.154.882	14,24%	7,56%
5	Hàng thủy sản	91.642.719	27,79%	42,89%
6	Hạt tiêu	1.120.137	-2,65%	0,52%
7	Phân bón các loại	4.954.115	3331,54%	2,32%
8	Mây tre đan	1.647.506	-28,38%	0,77%
9	SP từ cao su	8.166.733	3,22%	3,82%
10	Sắn và SP từ sắn	2.233.618	792,41%	1,05%
11	TAGS & NL	2.205.202	53,05%	1,03%
Tổng XK NLTS		213.682.899		100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 07/2022**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 07/2021		Tháng 07/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	77	40.652	51	25.215	-34,3%	-38,0%
2.	Gạo thơm	34	17.680	11	4.697	-66,9%	-73,4%
3.	Các loại gạo khác	0	0	0	0	n/a	n/a

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 7/2022

Mặt hàng	T7/2021 (USD)	T7/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	3.102.250	2.960.910	-4,56%
Cà phê tan	674.301	1.057.957	56,90%
Đã rang chưa khử cafein	312.848	521.431	66,67%
Khác	261.506	539.671	106,37%
Chưa rang đã khử cafein	66.825	72.501	8,49%
Đã rang đã khử cafein		40.408	
Tổng	4.417.729	5.192.877	17,55%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 7/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2021 (USD)	Tháng 7/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
	Tổng giá trị XK	14.141.641	16.154.882	14,2%
1	Hạt mè	3.584.667	5.115.913	42,7%
2	Xoài	1.616.920	1.868.719	15,6%
3	Chuối	472.454	1.150.872	143,6%
4	Ớt	1.836.132	920.856	-49,8%
5	Thanh long	616.781	891.952	44,6%
6	Dưa hấu	388.380	510.065	31,3%
7	Khác	5.626.308	5.696.504	1,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 7/2022

TT	Sản phẩm	T7/2021 (USD)	T7/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	84.586	2.105.320	2.389%
2	Tinh bột sắn	152.809	128.298	-16%
	Tổng giá trị XK	237.395	2.233.618	841%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 7/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 7/2022 (USD)	Tháng 7/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	614.633,3	200.386,7	206,7%
Cá ngừ	659.111,0	61.600,0	970,0%
Cá rô phi	86.511,9	93.746,9	-7,7%
Cua, ghẹ	227.764,4	68.227,0	233,8%
Mực và bạch tuộc	28.378.055,9	20.593.708,3	37,8%
Tôm	43.258.151,8	35.639.582,0	21,4%
Thủy sản khác	18.418.490,7	15.057.224,6	22,3%
Tổng	91.642.719,0	71.714.475,4	27,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan